# KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA

**Giữa kì I môn Khoa học tự nhiên, lớp 6**

**1) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Tuần 10 học kì I*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Trên giấy*

**- Cấu trúc:** Tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận.

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 6 câu, vận dụng: 4 câu, vận dụng cao: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 1,0 điểm; Vận dụng cao: 0,5 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu (4 tiết)* |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| *2. Các phép đo (9 tiết)* | 1b | **2** |  | **1** | 1a | **1** |  | **1** | 1 | 5 | 2,75 |
| *3. Các thể (trạng thái) của chất. (3 tiết)* |  | **1** | 1 | **1** |  |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| *4. Oxygen (oxi) và không khí. (4 tiết)* |  | **1** |  | **1** |  | **1** |  |  |  | 3 | 0,75 |
| *5. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống. (7 tiết)* | 1a | **2** | 1b | **1** |  | **1** |  |  | 1 | 4 | 2,0 |
| *6. Từ tế bào đến cơ thể (8 tiết)* | 1a | **1** |  | **1** | 1b | **1** | 1 | **1** | 2 | 4 | 2,5 |
| **Số câu/ số ý** | **3** | **8** | **2** | **6** | **2** | **4** | **1** | **2** | 5 | 20 | 10,00 |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **1,5** | **1,5** | **1,0** | **1,0** | **0,5** | **0,5** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Mở đầu (4 tiết)*** | | |  | **2** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | **1** |  | C6 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | **1** |  | C7 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| ***2. Các phép đo (9 tiết)*** | | | **1** | **5** | **2** | **5** |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. | **1** |  | 21b |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. |  | **1** |  | C2 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  | **1** |  | C1 |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  | **1** |  | C3 |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. |  |  |  |  |
| - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. | **1** |  | 21a |  |
| - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  | **1** |  | C4 |
| - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. |  |  |  |  |
| - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. |  | **1** |  | C5 |
| ***Chủ đề 2. Các thể (trạng thái) của chất. (3 tiết)*** | | | **1** | **2** | **1** | **1** |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  | **1** |  | C8 |
| - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. | **1** | **1** | C22 | C9 |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| ***Chủ đề 3:Oxygen (oxi) và không khí (4 tiết)*** | | |  | **3** |  | **3** |
| - Oxygen  - Không khí và bảo vệ môi trường không khí | **Nhận biết** | Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...) |  | **1** |  | C10 |
| Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu |  |  |  |  |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước) |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên |  |  |  |  |
| - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  | **1** |  | C11 |
| **Vận dụng** | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  | **1** |  | C 12 |
| ***6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (8 tiết)*** | | | **1** | **4** | **2** | **4** |
| – Khái niệm tế bào  – Hình dạng và kích thước tế bào  – Cấu tạo và chức năng tế bào  – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào  – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. | 1 |  | C23a |  |
| - Nhận biết được hình dạng của một số loại tế bào. |  | 1 |  | C13 |
| - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  | 1 |  | C14 |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. | 1 | 1 | C23b | C15 |
| - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); |  |  |  |  |
| Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào 2 tế bào 4 tế bào... *n* tế bào). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | 1 |  | C16 |
| ***7. Từ tế bào đến cơ thể (8 tiết)*** | | | **2** | **4** | **3** | **4** |
| – Từ tế bào đến mô  – Từ mô đến cơ quan  – Từ cơ quan đến hệ cơ quan  – Từ hệ cơ quan đến cơ thể | **Nhận biết** | - Nhận biết được cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào |  |  |  |  |
| - Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. |  | 1 |  | C17 |
| Nêu được mối quan hệ từ tế bào hình thành mô, cơ quan, … |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). | 1 |  | C24a |  |
| - Nhận biết được cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. |  | 1 |  | C18 |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào thông qua hình ảnh |  | 1 |  | C19 |
| - Thực hành:  + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...);  + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;  + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. |  |  |  |  |
| - Vận dụng giải thích mối quan hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể. | 1 |  | C24 b |  |
| **Vận dụng cao** | - Đề xuất các biện pháp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe |  | 1 |  | C20 |
| - Thông qua thí nghiệm, thực hành học sinh dự đoán và giải thích được sự sinh trưởng của sinh vật. | 1 |  | C25 |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I\_KHTN 6**

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)** *Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1.** Khi đi khám bệnh, muốn đo thân nhiệt của bệnh nhân thì bác sĩ dùng dụng cụ đo là

1. cân B. đồng hồ. C. thước.  **D. nhiệt kế y tế.**

**Câu 2.** Để đo thời gian của một hoạt động cần thực hiện theo mấy bước?

A. 2 bước. B. 3 bước. C. 4 bước.  **D. 5 bước.**

**Câu 3.** Quan sáthình dưới đây, chiều dài của cây bút là

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |
|  |
|  |
|  |

A. 7,0 cm. B. 7,1 cm. **C. 7,2 cm.** D. 7,3 cm.

**Câu 4.** Người ta dùng một đĩa cân để cân một vật, khi cân thăng bằng người ta thấy ở một đĩa cân có một quả cân 100g còn ở đĩa cân còn lại có vật và một quả cân 30g. Khối lượng của vật là

**A. 70g.** B. 130g. C. 30g. D. 100g.

**Câu 5.** Bảng tin dự báo thời tiết ngày 25/8/2022, nhiệt độ tại Đà Lạt là 20oC. Nhiệt độ trên tương ứng với nhiệt độ trong nhiệt giai Kelvin là

A. 20 K B. 200K. C. 273K.  **D. 293K.**

**Câu 6**. Khoa học tự nhiên **không** bao gồm lĩnh vực

A. vật lý học. B. hoá học và sinh học.

C. khoa học Trái Đất và thiên văn học. **D. lịch sử loài người.**

**Câu 7**. Để phân biệt vật sống với vật không sống cần những đặc điểm nào sau đây?

I. Khả năng chuyển động.

II. Cần chất dinh dưỡng.

III. Khả năng lớn lên.

IV. Khả năng sinh sản.

**A. II, III, IV**. B. I, II, IV. C. I, II, III. D. I, III, IV.

**Câu 8**. Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất là

1. **sự nóng chảy.** B. sự đông đặc. C. sự bay hơi. D. sự ngưng tụ.

**Câu 9.** Khi đun nước ta thấy mặt trong của nắp ấm đun có xuất hiện những giọt nước. Đó là biểu hiện của

A. sự nóng chảy. B. sự đông đặc. **C. sự ngưng tụ.** D. sự sôi.

**Câu 10**: Ở điều kiện thường, oxygen có tính chất là

A. khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí và không duy trì sự cháy.

**B. khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.**

C. khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ  hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

D. khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

**Câu 11**. Biểu hiện nào sau đây **không phải** của không khí bị ô nhiễm?

A. Có mùi khó chịu.

B. Giảm tầm nhìn.

C. Sương mù giữa ban ngày,

**D. Sương mai buổi sớm.**

**Câu 12**. Bạn An tiến hành thí nghiệm bắt 2 con châu chấu có kích cỡ bằng nhau cho vào 2 bình thủy tinh. Đậy kín bình 1 bằng nút cao su, còn bình 2 bọc lại bằng miếng vải màn. Sau một thời gian, theo em kết quả xảy ra của 2 con châu chấu ở 2 bình là

**A. con châu chấu bình 1 chết, bình 2 sống.**

B. cả hai con châu chấu đều chết.

C. cả hai con châu chấu đều sống.

D. con châu chấu bình 1 sống, bình 2 chết.

**Câu 13.** “Hình đĩa lõm hai mặt và không có nhân” là hình dạng của tế bào

**A. hồng cầu.** B. trùng roi. C. trứng. D. thần kinh.

**Câu 14.**Ý nghĩa củasự lớn lên và sinh sản của tế bào là

A. tăng kích thước của cơ thể sinh vật.

**B. tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương.**

C. khiến cho sinh vật già đi.

D. ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể.

**Câu 15.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt tế bào thực vật và tế bào động vật là

**A. vách ngăn tế bào.** B. màng tế bào. C. nhân. D. chất tế bào.

**Câu 16:** Thứ tự đúng các bước tiến hành làm tiêu bản vảy hành

1. Nhỏ một giọt nước lên lam kính
2. Quan sát dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x và vẽ tế bào quan sát được
3. Dùng kim mũi mác bóc nhẹ lớp biểu bì vảy hành
4. Đặt vảy hành đã bóc lên lam kính đã có giọt nước cất, đậy lamen

A. 1; 2; 3; 4. B. 1; 4; 3; 2 **C. 1; 3; 4; 2**. D. 2; 3; 1; 4.

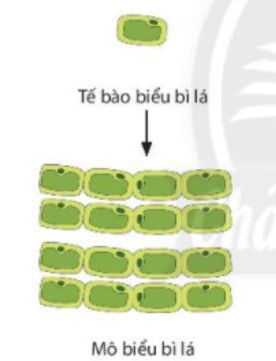
**Câu 17.** Cơ quan là

A. tập hợp của nhiều tế bào cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.

**B. tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.**

C. tập hợp của nhiều tế bào cùng thực hiện nhiều chức năng trong cơ thể.

D. tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện nhiều chức năng trong cơ thể.

**Câu 18.** Quan sát hình dưới, hãy cho biết mối quan hệ từ tế bào đến mô được thể hiện như thế nào?

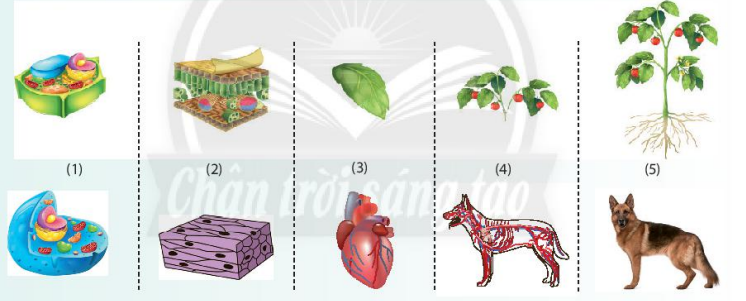
**A. Các tế bào giống nhau về hình dạng và kích thước tập hợp lại thành một nhóm tạo thành mô.**

B. Các mô cùng thực hiện một hoạt động sống nhất định tạo thành hệ cơ quan

C. Nhiều mô cùng phối hợp hoạt động để thực hiện một quá trình sống nào đó của cơ thể gọi là hệ cơ quan.

D. Các tế bào khác nhau về hình dạng tập hợp lại tạo thành mô

**Câu 19.** Cho hình ảnh sau:

****

Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào tương ứng với các số từ 1 đến 5 là

A. Mô -> tế bào -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể

###### B. Tế bào -> mô -> hệ cơ quan -> cơ quan -> cơ thể

C. Tế bào -> hệ cơ quan -> mô -> tế bào -> cơ quan

**D. Tế bào -> mô -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể**

**Câu 20.** Đâu **không** phải là biện pháp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe?

A. Chế độ dinh dưỡng khoa học.

B. Tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe.

C. Uống đủ nước, tránh sử dụng các tác nhân có hại.

**D. Ăn nhiều thịt và uống nhiều nước ngọt.**

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 21. (1,5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hôm nay nhà có khách nên mẹ nhờ Hoa đi chợ mua trái cây. Người bán hàng đã dùng cân như hình bên để cân cho Hoa một số loại quả.  a. Em hãy cho biết GHĐ và ĐCNN của cân.  b. Người bán hàng đã dùng cân gì (hình bên) để cân hoa quả, và em hãy đọc giá trị khối lượng của trái cây mà Hoa đã mua là bao nhiêu? | Trong hình, cân đồng hồ sau đang bị thiếu kim. Các bạn học sinh đ |

**Câu 22. (1điểm)** Nước tồn tại ở những trạng thái (thể) nào? Em hãy chỉ ra sự giống và khác nhau của: nước, hơi nước, nước đá.

**Câu 23. (1 điểm)**

a. Nêu khái niệm tế bào.

b. Phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

**Câu 24. (1 điểm)** Bạn A đọc được thông tin sau trong sách giáo khoa Khoa học tự nhiên 6 “Con Trùng roi là cơ thể đơn bào; Con người là cơ thể đa bào”

a. Em hãy cho biết thế nào là cơ thể đơn bào? Cơ thể đa bào?

b.Khi bạn A tập thể dục thì theo em những cơ quan và hệ cơ quan nào trong cơ thể cùng phối hợp hoạt động?

**Câu 25. (0,5 điểm):** Cho thí nghiệm sau: chọn hai cây cùng loại, cùng kích cỡ.

- Cây 1 còn nguyên rễ và trồng trong chậu đất như hình 11.4 (a)

- Cây 2 đem cắt một phần rễ và trồng trong chậu đất khác như hình 11.4 (b)

Tưới nước thường xuyên trong hai tuần cho cả hai cây.

Vận dụng kiến thức bài 20, em hãy dự đoán sự sinh trưởng của mỗi cây sau hai tuần và giải thích?

**ĐÁP ÁN:**

1. **Trắc nghiệm khách quan: Mỗi câu đúng 0,25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| ĐA | D | D | C | A | D | D | A | A | C | B | D | A | A | B | A | C | B | A | D | D |

1. **Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **21** | 1. ĐCNN: 0,25kg,   GHĐ: 10kg   1. Người bán hàng đã dùng cân đồng hồ,   khối lượng của giỏ trái cây là 2kg | 0,25đ  0,25đ  0,5đ  0,5đ |
| **22** | * Nước tồn tại ở ba thể: Rắn, lỏng, khí. * Phân biệt sự giống và khác nhau của nước, hơi nước, nước đá   + Giống nhau: Đều có một chất là nước.  + Khác nhau: Về trạng thái: nước ở thể lỏng; nước đá ở thể rắn; hơi nước ở thể khí. | 0,25đ  0,25đ  0,5đ |
| **23** | a/ Tế bào là đơn vị cấu tạo cơ bản của mọi sinh vật  b/ Điểm khác biệt giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là:  - tế bào nhân thực có nhân chính thức,  - có các bào quan có màng bao bọc (ti thể, lục lạp, gôngi…),  - còn tế bào nhân sơ thì không có. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **24** | a/  - Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ một tế bào. Tế bào đó thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống.  - Cơ thể đa bào là cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào, các tế bào khác nhau thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể.  b/ Khi A tập thể dục, Lúc đó, các hệ cơ quan phối hợp chặt chẽ tăng cường hoạt động: hệ thần kinh điều khiển các hệ cơ hoạt động, tim đập nhanh và mạnh hơn, mạch máu dãn, hệ hô hấp hoạt động mạnh, thở nhanh và sâu hơn, mồ hôi tiết nhiều hơn… | 0,25đ  0,25đ  0,5đ |
| **25** | - Dự đoán: Sau 2 tuần cây 1 tiếp tục phát triển tốt, cây 2 phát triển kém hơn. Giải thích: Cây 2 bị cắt một phần rễ thì quá trình hút nước và muối khoáng sẽ bị giảm đi, dẫn tới lá cây không đủ nước, muối khoáng để thực hiện quá trình quang hợp, cây tạo được ít chất hữu cơ nên dẫn tới phát triển kém hơn cây 1 còn nguyên rễ. | 0,5đ |